



Quá trình giải thiêng rừng

VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ RỪNG GẮN VỚI SINH KẾ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

■ Trang Tuệ

Vấn đề bảo vệ rừng ở miền núi phía Tây Nghệ An luôn là vấn đề nóng, có tính thời sự cao. Đã có nhiều ý kiến tranh luận về vấn đề này chủ yếu tập trung vào các chính sách hiện tại cũng như tìm phương hướng tháo gỡ từ phía chính sách quản lý. Tuy nhiên, nếu nhìn xa hơn về quá khứ, ở một góc độ khác thì sự mất mát tài nguyên rừng cũng là một quá trình văn hóa, đó là quá trình rừng bị mất thiêng. Nếu xem quá trình giải thiêng rừng là một nguyên nhân làm cho rừng bị tàn phá, khai thác cạn kiệt hơn thì sau quá trình đó, vấn đề bảo vệ rừng lại chuyển sang một giai đoạn mới. Trong đó, có nhiều việc cần phải làm để bảo vệ rừng, mà quan trọng là gắn bảo vệ rừng với phát triển đời sống kinh tế của người dân tộc thiểu số, vốn là chủ nhân, là những người sống trên rừng, trong rừng, cạnh rừng, giữa rừng.

1. Đặt vấn đề

Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Nghệ An có 1.236.259ha rừng và đất lâm nghiệp, trong đó, có 942.508ha đất có rừng bao gồm 796.259ha rừng tự nhiên, 146.249ha rừng trồng. Diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng là 293.750ha⁽¹⁾. Những con số này khá khiêm tốn so với thực trạng của nó cách đây hơn nửa thế kỷ. Dù hàng năm, diện tích rừng mới trồng cũng tăng lên đáng kể, nhưng rừng mới và rừng cũ khác nhau nhiều. Cũng như sự khác nhau giữa rừng đang bị phá và rừng đang được trồng lại: trong khi rừng đã và đang bị phá là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, thì rừng trồng mới chủ yếu là rừng keo hay rừng cây công nghiệp lâu năm.

Thực ra, diện tích rừng ở Nghệ An bắt đầu giảm từ giữa những năm 1950, khi có các chính sách xây dựng các nông trường, lâm trường ở vùng miền núi. Cuối năm 1954, Lâm trường Khe Kiền ra đời và đi vào hoạt động, hàng vạn m³ gỗ bị khai thác để phục vụ xây dựng đường sắt Hà Nội - Vinh. Sang năm 1955, các lâm trường mới như Trịnh Môn, Bãi Phủ, Đông Hiếu, Tây Hiếu, Sông Con... cũng đi vào hoạt động. Tính đến cuối những năm 1970, mỗi năm các lâm trường khai thác từ 25-30 vạn m³ gỗ từ các khu rừng tự nhiên⁽²⁾. Trong khoảng 3 thập kỷ, hoạt động của các lâm trường đã khai thác hàng triệu m³ gỗ từ rừng bị chặt hạ để phục vụ mục đích xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ kháng chiến, kiến quốc. Đây cũng là quá trình người Kinh di cư ồ ạt lên miền núi để xây dựng kinh tế mới. Từ đầu những năm 1990, công tác trồng rừng bắt đầu được quan tâm và đẩy mạnh. Tuy nhiên, diện tích rừng dù có tăng lên, nhưng tính chất rừng đã thay đổi và vấn đề bảo vệ rừng vẫn luôn trở nên nóng bỏng qua từng năm. Trong năm

2017, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nghệ An thì cả tỉnh đã phát hiện và bắt giữ 730 vụ vi phạm lâm luật, lâm sản, tịch thu 1.235,83m³ gỗ tròn, xẻ các loại, tịch thu 90 con động vật rừng, tổng thu nộp ngân sách hơn 11 tỷ đồng. Trong đó, các vụ việc khai thác gỗ trái phép nghiêm trọng xảy ra ở một số vùng rừng thuộc khu vực biên giới Việt Nam - Lào như xã Na Ngoi, Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn; khu vực xã Tam Hợp, Lưu Kiền, huyện Tương Dương...

Trong thời gian qua, những vụ việc liên quan đến chặt phá rừng được giới truyền thông cũng như nhiều người quan tâm. Nhiều hậu quả nghiêm trọng liên quan đến việc chặt phá rừng ngày càng trở nên rõ rệt hơn, đe dọa cuộc sống nhiều người. Đó là những trận lũ lụt lớn vừa qua ở nhiều địa phương trong tỉnh. Những trận lũ lụt kinh hoàng này liên quan đến sự mất mát rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ cũng như việc xây dựng các nhà máy thủy điện đã và đang tiến hành. Lũ lụt đe dọa cuộc sống và tính mạng của hàng vạn người, khiến rừng trở thành điểm nóng không chỉ của chính quyền mà còn của xã hội. Nhưng rừng mất không phải là một hiện tượng, mà là một quá trình mang tính lịch sử văn hóa.

2. Giải thiêng rừng như là một quá trình dẫn đến sự mất rừng ở miền Tây Nghệ An

Diện tích rừng của Nghệ An chủ yếu tập trung ở miền núi phía Tây. Đây cũng là địa bàn sinh sống chủ yếu của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong tỉnh. Từ thời phong kiến, nhà nước có những mức độ quan tâm khác nhau đến tài nguyên rừng, nhưng về cơ bản, rừng vẫn thuộc về sự quản lý của các cộng đồng. Nó cũng giống như sự quản lý của các cộng đồng tộc người đối với rừng ở Tây Bắc hay Tây Nguyên. Tuy nhiên, tùy theo tính chất tộc người cũng như các phương thức sinh hoạt sản xuất và sinh hoạt văn hóa mà vai trò, vị thế của rừng đối với các cộng đồng có sự khác nhau. Nhìn chung, rừng vừa là hệ sinh thái tự nhiên vừa là một nguồn tài nguyên quan trọng đối với sự phát triển của cộng đồng. Rừng cung cấp cho con người các nguồn lực khác nhau, từ các lâm thổ sản, các loại động, thực vật quý hiếm. Bên cạnh đó, rừng cũng là một hệ sinh thái nhân văn quan trọng, gắn với các nền văn hóa của các cộng đồng. Rừng là địa bàn sinh sống, sản xuất của các cộng đồng. Nhiều

làng bản gắn liền với núi rừng, được rừng che chở và nuôi nấng.

Về mặt văn hóa, rừng bị mất như là một quá trình giải thiêng rừng. Trước đây, rừng thuộc về các cộng đồng. Bảo vệ rừng là việc của các làng, bản. Với những cư dân sống bằng nghề nương rẫy, khai thác rừng hàng ngày thì rừng không phải thuộc về họ mà góc độ nào đó làng, bản và chính con người họ thuộc về rừng. Vậy nên rừng là không gian thiêng, là mẹ, là nơi Giàng (Trời) ở. Rừng có linh hồn, có ma rừng và có những quyền lực chí cao, linh thiêng. Con người phải biết sợ rừng, biết kính trọng rừng, biết nâng niu rừng và bảo vệ, chăm sóc rừng. Rừng cho người nguồn sống và người dành cho rừng sự tôn kính. Họ khai thác rừng dựa trên tinh thần đó. Những ai vượt quá tinh thần đó đều bị cộng đồng lên án và trừng phạt. Đuổi vào rừng là một hình phạt nặng mà nhiều cộng đồng thực thi đối với người vi phạm. Núp dưới bóng dáng cái thiêng liêng, rừng vừa hấp dẫn, vừa gần gũi lại vừa đáng sợ, nên rừng được gìn giữ cẩn thận. Trong văn hóa truyền thống của các dân tộc như Thái, Mông, Khơ Mú, Ô Đu... đều có

những nghi lễ liên quan đến rừng. Ví dụ như người Thái trước đây, mỗi khi vào rừng đều có những nghi lễ linh thiêng riêng. Nếu bị vấp ngã, bị thương hay vào rừng mà bị ốm, họ đều phải làm lễ cúng để cầu xin ma rừng phù hộ. Khi ăn, uống ở trong rừng đều mời ma rừng. Khi vào chặt gỗ để làm nhà, người Thái làm các nghi lễ xin ma rừng cho phép chặt. Nếu cúng xin rừng xong một thời gian sau mà gia đình vẫn bình yên thì họ mới vào rừng chặt gỗ vì đó là tín hiệu ma rừng đã cho phép. Họ còn có lễ cúng chuộc gỗ rừng (xơ chuộc mạy) để xin ma rừng cho phép mang những cây gỗ đã chặt từ rừng về nhà⁽³⁾. Ở hầu hết các cộng đồng khác như Khơ Mú, Ô Đu hay Mông, khi lựa chọn nơi làm nương rẫy, đốt rừng làm rẫy, họ đều có những nghi lễ cúng ma rừng. Chính sự linh thiêng của rừng khiến cho con người vừa khai thác rừng để sống, vừa bảo vệ rừng.

Nhưng rồi những lâm trường xuất hiện, người Kinh di cư lên miền núi ngày càng nhiều, quá trình khai thác rừng ngày càng mạnh mẽ. Cùng với đó là những ảnh hưởng về mặt văn hóa, xã hội, làm cho quan hệ giữa con người với rừng ở các cộng đồng cũng thay đổi. Rừng dần bị mất thiêng. Con người bắt đầu không sợ rừng. Những người miền xuôi vốn không có kinh nghiệm và không gắn với nền văn hóa của sản xuất nương rẫy nên không hiểu về rừng. Sau đó là một bộ phận người dân tộc thiểu số ở miền núi được giáo dục tinh thần đó nên cũng hiểu khác về rừng so với cha



Một góc rừng phòng hộ đã từng bị chặt đốt làm rẫy

ông họ. Khi đó, rừng không còn là không gian thiêng, mà là một tài nguyên thiên nhiên, một nguồn khai thác các giá trị kinh tế. Con người lúc đó coi rừng là của chúng ta, chứ không giống trước đây, chúng ta thuộc về rừng. Trải qua nửa thế kỷ, con người không còn nhận ra mối liên hệ giữa mình và rừng. Không chỉ những người di cư đến mà những người sống với rừng hàng thế kỷ rồi vẫn bắt lức nhìn rừng bị mất đi. Hiện nay, mỗi khi vào rừng lấy gỗ làm nhà, nhiều cộng đồng tộc người vẫn làm lễ xin ma rừng. Nhưng các nghi lễ đó, gắn với ký ức, với tập quán văn hóa xưa kia như một sự hoài vọng, chứ không hẳn là vì sợ hãi, vì sự linh thiêng của rừng. Trong 170 vụ án vi phạm Luật Bảo vệ rừng do công an xử lý trong năm 2017 thì có nhiều người là đồng bào dân tộc thiểu số. Sự thúc đẩy của lợi ích kinh tế đã khiến họ quay lại tàn phá cái mà trước đây họ kính trọng, tôn thờ và sợ hãi.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng rừng bị tàn phá đã được đưa ra phân tích. Hệ thống chính sách chưa hoàn thiện, có những chính sách còn mâu thuẫn nhau, việc thực hiện các chính sách còn thiếu nghiêm túc hay việc khắc phục còn hạn chế do thiếu tiền, thiếu người, thiếu sự quan tâm từ trên... Cũng có ý kiến cho rằng rừng bị phá do văn hóa. Mà theo họ là do nhận thức văn hóa của người dân bản địa còn hạn chế, do các phong tục tập quán văn hóa truyền thống hay quá trình sản xuất của người dân gây nên tình trạng phá rừng. Và có ý kiến còn chỉ ra rằng, người dân tộc thiểu số đang lo lắng gỗ trong rừng bị chặt hết sẽ không có để làm quan tài nên họ nóng vội, tranh thủ vào chặt gỗ... Tất cả những điều này có lẽ không sai. Vì ứng xử với rừng là văn hóa. Đó là một phần nhỏ trong mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên. Vậy nên, bảo vệ rừng cũng phải có những liệu pháp về văn hóa. Để làm sống lại tính thiêng của rừng đối với đời sống đồng bào là khó, vậy nên thay vào đó phải làm cho họ hiểu về giá trị của vấn đề môi trường. Xây dựng đời sống văn hóa mới cũng phải lấy các giá trị phát triển bền vững, trong đó có bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng làm nền tảng.

3. Bảo vệ rừng gắn với phát triển đời sống kinh tế của người dân tộc thiểu số

Làm sao gắn việc bảo vệ rừng với đảm bảo cuộc sống cho người dân là một bài toán chưa có lời giải

của Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung. Với 1.236.259ha rừng và đất lâm nghiệp, là nhân tố giữ vai trò quan trọng đối với cuộc sống của hơn 1,2 triệu người đang sinh sống ở miền núi, trong đó đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống của hơn 491.000 người dân tộc thiểu số, vốn sinh sống dựa nhiều vào nghề rừng⁽⁴⁾. Trong nhiều năm qua, hàng loạt các chính sách liên quan đến bảo vệ rừng được đưa ra, trong đó có nhiều chính sách trực tiếp đi vào nội dung hỗ trợ người dân tham gia trồng rừng, bảo vệ và khai thác rừng. Quan trọng phải kể đến Nghị định 05/2008/NĐ-CP Về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng; Nghị định 99/2010/NĐ-CP về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Nghị định 75/2015/NĐ-CP về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020; Nghị định 38/2016/NĐ-CP về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp; Hay Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo cũng có nội dung hỗ trợ đảm bảo cuộc sống cho người dân trong quá trình bảo vệ và phát triển rừng... Tuy có nhiều chính sách hỗ trợ nhưng số chi phí đến được với người dân lại còn hạn chế. Theo đánh giá của cán bộ Phòng Sử dụng và phát triển rừng (Chi cục Kiểm lâm Nghệ An) thì: Nhìn vào tổng thể chính sách hỗ trợ người dân trong việc trồng, bảo vệ và phát triển rừng thì thấy rất nhiều và nghĩ rằng người dân sẽ nhận được nhiều lợi ích khi tham gia vào việc này. Tuy nhiên, thực tế, nhiều chính sách chồng chéo mang tính hỗ trợ lẫn nhau và ít có chính sách

nào thực hiện được triệt để do không đảm bảo được ngân sách. Vậy nên về mặt giấy tờ thì người dân vùng cao được nhận nhiều nguồn hỗ trợ mà nếu tính tổng lại thì khá lớn, nhưng thực tế mỗi chính sách chỉ chi trả được một phần và tổng cộng lại thì vẫn chưa đủ để đảm bảo cuộc sống cho người dân. Nguyên nhân là do nguồn Quỹ bảo vệ rừng của nhà nước chỉ mới cấp được ở mức đó. Cũng trên quan điểm đó, lãnh đạo Ban Dân tộc Nghệ An cho rằng, hiện nay chúng ta không thiếu các chính sách hỗ trợ cho người dân để họ tham gia tích cực hơn vào việc trồng, bảo vệ và phát triển rừng. Điều quan trọng là chúng ta không thực hiện được triệt để các điều mà chính sách đưa ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Vậy nên, tổng chi phí hỗ trợ thực tế đến tay người dân vẫn chưa thể đảm bảo cuộc sống của họ được. Chưa kể đến có nhiều dự án hỗ trợ phát triển khi vào thực tế lại không có hiệu quả kinh tế. Vậy nên họ vẫn phải phá rừng để mưu sinh. Để làm rõ những vấn đề nan giải này, chúng tôi xin phân tích một ví dụ cụ thể về vấn đề bảo vệ rừng ở một địa phương là xã Mai Sơn, một xã miền núi nằm trong địa phận rừng phòng hộ huyện Tương

Dương, và là xã có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống.

Mai Sơn là một xã vùng biên thuộc huyện Tương Dương, cách thị trấn Hòa Bình hơn 120km. Trong xã có 531 hộ gia đình thuộc 3 dân tộc là người Thái, người Khơ Mú và người Mông sinh sống cùng với một số người Kinh dưới xuôi lên đây công tác hoặc buôn bán. Trước đây, các dân tộc thiểu số ở Mai Sơn chủ yếu sinh sống bằng khai phá rừng để canh tác nương rẫy. Tuy nhiên, hiện nay, phần lớn diện tích rừng ở Mai Sơn được quy hoạch thành rừng phòng hộ, sinh kế người dân cũng có sự thay đổi lớn. Việc làm sao để vừa bảo vệ được rừng, vừa đảm bảo sinh kế của người dân đang trở thành một bài toán khó.

Trong số các dân tộc thiểu số đang sinh sống ở Mai Sơn thì người Thái chiếm tỷ lệ lớn nhất (với 323 hộ gia đình) và giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của địa phương. Người Thái khai phá các vùng đất rừng ở khu vực thấp để làm nương rẫy. Những vùng đất rừng bằng phẳng, thuận lợi cho việc làm rẫy chủ yếu do người Thái làm chủ. Họ không chỉ trồng lúa nương mà còn trồng nhiều loại cây khác như ngô, đỗ, rau, củ quả... Đến khi quy hoạch rừng phòng hộ thì phần lớn nương rẫy của người Thái thuộc vào diện tích rừng sản xuất, được bàn giao để tiếp tục canh tác và quản lý. Không những vậy, các đất rừng ven các suối, khe có thể khai thác làm ruộng nước cũng chủ yếu thuộc về người Thái. Một mặt họ vẫn tiếp tục làm nghề rừng, canh tác nương rẫy trên



Nỗ lực khai phá đất rừng làm ruộng nước ở Chà Lò 2

diện tích rừng sản xuất được bàn giao. Mặt khác, họ tăng cường canh tác ruộng nước. Cả xã có 64ha ruộng nước thì người Thái chiếm gần 54ha (hơn 84%). Họ cũng là những người có nhiều diện tích rừng sản xuất nhất trong xã và thu được nhiều các khoản hỗ trợ từ chính sách như chi phí trồng và bảo vệ rừng, chi phí chi trả dịch vụ môi trường rừng... Chính vì vậy mà cuộc sống của người Thái so với các cộng đồng khác trong xã có phần khá hơn.

Không được thuận lợi như người Thái, người Khơ Mú sống chỉ dựa vào sản xuất nương rẫy. Có 105 hộ gia đình người Khơ Mú với 495 nhân khẩu, sống tập trung ở hai bản Chà Lò 1 và Chà Lò 2 (có một số hộ sống xen kẽ ở các bản người Thái khác). Họ có thói quen phát các khu rừng già làm rẫy vì canh tác được lâu và năng suất cao. Họ là những người khai khẩn vùng rừng sâu và khó khăn hơn so với người Thái. Hiện nay, phần lớn rừng đã quy hoạch vào rừng phòng hộ nên người dân thiếu đất canh tác. Cuộc sống của người Khơ Mú ngày càng rơi vào khó khăn khi không được khai phá rừng cũng như không có ruộng nước. Trong số 3 bản chưa có ruộng nước để canh tác thì có 2 bản người Khơ Mú (và 1 bản người Mông). Diện tích rừng được khoán cho người Khơ Mú cũng ít, khoảng 5ha/hộ nên các nguồn thu từ hoạt động bảo vệ, khai thác rừng còn thấp, và các nguồn chi phí hỗ trợ bảo vệ rừng từ chính sách nhà nước cũng không được nhiều nên cuộc sống bấp bênh. Do vậy, người dân Khơ Mú vẫn vào rừng phát rẫy trộm, dù vẫn bị lập biên bản và chính quyền phạt nhiều lần nhưng họ vẫn làm vì không có con đường mưu sinh khác. Để đa dạng hơn các hoạt động kinh tế, chính quyền đã tiến hành phát triển mô hình trồng rau sạch, chăn nuôi dê, nuôi gà đồi nhằm cung cấp ra thị trường. Tuy nhiên, đầu ra còn hạn chế nên các sản phẩm làm ra chủ yếu vẫn cung cấp cho các gia đình là chính, chưa có nhiều

đóng góp vào thu nhập kinh tế cho người dân.

Nhóm khó khăn hơn cả là người Mông sống ở các đỉnh núi cao, giáp biên với Lào. Ở Mai Sơn hiện có 103 hộ gia đình người Mông với 489 nhân khẩu sống chủ yếu ở hai bản vùng cao là Piêng Coọc và Phả Kháo. Họ là cộng đồng sống du canh du cư bằng canh tác nương rẫy. Già làng Và Xia Lự ở bản Piêng Coọc cho biết: trước đây, người Mông chặt rừng già để canh tác nương rẫy, chặt gỗ mới có cái làm nhà. Giờ không cho người dân chặt rừng lấy đất, chặt gỗ làm nhà thì người Mông phải bỏ đi chỗ khác (ý nói đi qua Lào), hoặc sẽ chết vì đói. Trong khi người Mông ở bản Piêng Coọc đã khai phá được gần 10ha ruộng nước để canh tác và cuộc sống đang dần đi vào ổn định hơn, thì đồng tộc của họ ở bản Phả Kháo chưa có ruộng nước và cũng không có rừng để phát rẫy nên cuộc sống khó khăn hơn. Gần đây, một số mô hình mới như trồng táo mèo, chanh leo để đem bán, tuy đã góp một phần thu nhập cho người dân nhưng chưa đáng kể và hiệu quả kinh tế còn thấp.

Trong bối cảnh cuộc sống sinh kế người dân còn gặp nhiều khó khăn khi bị tách ra khỏi việc chặt rừng làm nương rẫy thì việc bảo vệ rừng phòng hộ cũng gặp nhiều thách thức lớn. Trong đó quan trọng nhất là làm sao để vừa bảo vệ rừng, vừa đảm bảo sinh kế cho người dân, vốn là những người sống trực tiếp với rừng. Theo lãnh đạo xã Mai Sơn thì khó khăn lớn nhất hiện nay là làm sao để có đất canh tác mà không phải chặt phá rừng. Ngày trước, người dân tự do khai phá rừng làm rẫy nhưng hiện nay hơn một nửa diện tích rừng đã được đưa vào rừng phòng hộ và bắt buộc người dân phải chuyển sang canh tác ruộng nước. Nhưng diện tích ruộng nước lại quá thiếu nên cuộc sống người dân không được đảm bảo. Khi cuộc sống khó khăn thì người sẽ đi khai phá trộm, đi chặt gỗ hoặc đi lấy lâm đặc sản bán cho người Kinh, dù biết rằng bị bắt sẽ bị phạt nhưng vì không có cách khác để đảm bảo cuộc sống.

Đây không chỉ là khó khăn của chính quyền địa phương, mà cũng là thách thức đối với những cán bộ làm công tác bảo vệ rừng phòng hộ. Huyện Tương Dương có 145.632ha rừng (trong đó có

144.204,2ha là rừng tự nhiên) thì rừng phòng hộ là 89.611ha⁽⁵⁾. Đây là nơi mưu sinh quan trọng cho hơn 70 vạn người dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn huyện. Riêng Trạm Bảo vệ rừng phòng hộ Mai Sơn - Nhân Mai có 4 người nhưng quản lý gần 20.000ha rừng, liên quan đến sinh kế của gần 6.000 người dân trong hai xã. Trưởng trạm Bảo vệ rừng này chia sẻ: Người dân sống bằng phá rừng làm rẫy hàng trăm năm rồi, và không phải ngày một ngày hai người ta thay đổi được. Nên công tác bảo vệ rừng cũng luôn gắn với việc giúp đỡ người dân đảm bảo mưu sinh. Các quy định về bảo vệ rừng được chính quyền đưa ra, nhưng đi vào thực tế lại là một chuyện khác. Không thể cấm người dân vào rừng ngay khi chưa có những phương pháp mưu sinh mới để đảm bảo cuộc sống của họ. “Khi lên bản Mông ở Piêng Coọc họp dân để tuyên truyền về bảo vệ rừng cũng như xử lý một số trường hợp vi phạm việc phá rừng làm rẫy, nhiều người dân, có cả già làng, trưởng bản lẫn thanh niên đứng lên hỏi thẳng rằng: Nếu không được phá rừng làm rẫy thì chúng tôi sống bằng gì? Nếu không được chặt gỗ để làm nhà thì chúng tôi sẽ ở đâu? Nếu cán bộ giải quyết được thì chúng tôi cũng sẽ không chặt phá rừng nữa”. Ông kể lại và tâm sự thêm rằng: “Dù chúng tôi đã cố gắng giải thích cũng như đưa ra nhiều biện pháp khác, nhưng về cơ bản, vẫn chưa thể đảm bảo được cuộc sống cho người dân khi họ sống xa rừng”.

Để góp phần giải quyết những khó khăn về sinh kế của người dân và bảo vệ rừng, chính quyền địa phương kết hợp với Ban quản lý rừng đã thành lập các tổ gồm cán bộ xã, cán bộ bảo vệ rừng và cán bộ ở bản đi khảo sát từng khu vực để xem có thể khai phá làm ruộng nước mà vẫn giữ được rừng. Và kết quả là một diện tích ruộng nước, dù còn ít ỏi nhưng đã được

đưa vào sản xuất từ những nỗ lực này. Ví dụ như việc cho phép người dân trong bản thuê máy móc về san bằng khu vực rừng ven đường Quốc lộ 16 ở bản Chà Lò 2 để làm ruộng nước hay việc xây dựng hồ sơ để trình lên Ban quản lý rừng phòng hộ Tương Dương xin phép khai khẩn một phần rừng ven bản Chà Lò 1 để tạo thành ruộng có thể canh tác. Và công tác này cũng tiếp tục được thực hiện và người dân đang hy vọng năm nay hai bản người Khơ Mú này sẽ có ruộng nước để canh tác. Việc chi trả các chi phí môi trường và công tác bảo vệ rừng cho người dân hàng năm cũng được thực hiện đầy đủ. Tuy nhiên, với mức chi phí 286 nghìn đồng/ha/năm cho người dân theo quy định hiện nay vẫn còn thấp, chưa giúp đỡ được nhiều người dân trong việc sinh sống bằng lâm nghiệp⁽⁶⁾. Chính quyền xã cũng cố gắng đa dạng hóa các hoạt động sinh kế khác, từ việc đưa các giống cây ăn quả mới hay phát triển các cây ăn quả truyền thống, trồng rau, phát triển chăn nuôi để giải quyết vấn đề cuộc sống kinh tế của người dân. Bên cạnh đó, những người làm công tác bảo vệ rừng cũng kết hợp với chính quyền và người dân đi khảo sát để tìm những khu vực có thể cải tạo để làm ruộng nước cho người dân. Để công việc hiệu quả hơn, những người làm công tác quản lý rừng cũng phải gắn bó với cuộc sống người dân, giải quyết những tình huống cụ thể để xây dựng lòng tin với người dân và tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng. Người trưởng trạm còn nhấn mạnh rằng: Người dân sai phạm thì phải lập biên bản, nhưng lập xong rồi thì phải tìm cách để giúp đỡ họ, không thì phạt xong họ lại vi phạm tiếp... Chúng ta phải làm đúng quy định của pháp luật, làm đúng chính sách của nhà nước. Và càng phải giúp đỡ người dân có cuộc sống khá hơn, không đẩy họ vào đường cùng. Dù thế nào cũng phải để họ sống được mà không phá rừng thì mới giữ được rừng.

4. Thay lời kết luận

Rừng là một nguồn tài nguyên quan trọng của nhân loại, của các quốc gia và các địa phương. Nó vừa đóng vai trò môi trường sinh thái tự nhiên, vừa đóng vai trò môi trường sinh thái nhân văn. Rừng ở Nghệ An chiếm một diện tích bao phủ tương đối lớn, trải dọc các huyện miền núi phía Tây. Qua các giai



Bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ, mục tiêu được nhiều cấp chính quyền địa phương quan tâm
(Ảnh: Lãnh đạo tỉnh Nghệ An cùng lực lượng Kiểm Lâm đi kiểm tra rừng trên địa bàn)

đoạn lịch sử, rừng đã giữ nhiều vai trò, vị trí khác nhau. Đặc biệt, đối với các dân tộc thiểu số sống ở vùng miền núi, là chủ nhân đích thực của các cánh rừng nguyên sinh, rừng già, rừng đầu nguồn thì rừng đã trở thành một thành tố quan trọng trong cấu trúc văn hóa cộng đồng của họ. Nói cách khác, người dân sống bằng nghề rừng là chủ yếu, nhưng rừng cũng ảnh hưởng đến các hành vi ứng xử của họ, từ đó hình thành nên các quy tắc, các phong tục tập quán liên quan đến bảo vệ rừng.

Từ giữa thế kỷ XX trở lại đây, diện tích rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn ở miền núi Nghệ An suy giảm nhanh chóng. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này từ chính trị, quân sự, kinh tế, quốc phòng... Trong đó, có một nguyên nhân quan trọng xuất phát từ văn hóa nhưng trước đây ít được nhắc đến. Đó là sự thay đổi cấu trúc văn hóa liên quan đến rừng trong các cộng đồng dân tộc thiểu số. Có nhiều quá trình diễn ra trong sự thay đổi này, mà quan trọng nhất có lẽ là quá trình giải thiêng rừng, làm cho rừng mất dần tính thiêng trong văn hóa tộc người. Kết quả là người ta tiến hành khai phá rừng mà không có sự ngăn cản, áp chế từ các giá trị văn hóa cộng đồng. Kết quả thì ai cũng đã

rõ, rừng ngày càng bị mất mát.

Bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ, mục tiêu được nhiều cấp chính quyền địa phương quan tâm trong vài thập kỷ qua. Tuy đã đạt được nhiều kết quả khả quan, nhưng công việc bảo vệ rừng vẫn còn nhiều hạn chế và tệ nạn chặt phá rừng vẫn còn tiếp diễn. Một trong những khó khăn lớn nhất là làm sao để bảo vệ rừng gắn với phát triển kinh tế người dân tộc thiểu số ở bản địa. Bởi nếu không đảm bảo được sinh kế cho người dân thì rất khó để bảo vệ rừng. Vậy nên, bên cạnh các chính sách chung của nhà nước, cần có những chính sách đặc thù của địa phương, có các biện pháp hợp lý để đảm bảo được đời sống người dân trên cơ sở bảo vệ rừng như là một thành tố văn hóa của họ./.

Chú thích:

(1) Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nghệ An tại kỳ họp HĐND tỉnh Nghệ An tháng 12/2017.

(2) *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An*, tập III, NXB Chính trị Quốc gia, 2008, tr.57.

(3) Vi Văn An, *Người Thái ở miền Tây Nghệ An*, Nxb Thế giới, 2017, tr.299-300.

(4) *Thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An*, tháng 4/2019.

(5) Số liệu do Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tương Dương cung cấp năm 2018.

(6) Báo cáo tổng kết năm 2017 của UBND xã Mai Sơn, huyện Tương Dương.